

SỰ PHÁT TRIỂN THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM VÀ LUẬN GIẢI VỀ NHỮNG TỒN TẠI

TS. Nguyễn Văn Thiên¹

Tóm tắt: Thông qua kết quả khảo sát thực trạng các thư viện và trung tâm thông tin (TV&TTTT), bài viết khái quát về sự phát triển của thư viện điện tử tại Việt Nam, đồng thời luận giải về những tồn tại cần khắc phục để các thư viện phát triển bền vững.

MỞ ĐẦU

Trong những thập niên gần đây, với chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, các thư viện Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Mô hình thư viện điện tử đã được triển khai khá phổ biến tại nhiều nơi và trong các hệ thống thư viện khác nhau. Việc ứng dụng các thành tựu của khoa học và công nghệ (KH&CN) đã làm thay đổi căn bản diện mạo của các thư viện theo hướng hiện đại. Phương thức thực hiện công việc chuyên môn đã có những thay đổi và chất lượng dịch vụ do các thư viện cung cấp đã được nâng lên. Tuy nhiên phân tích chi tiết thực trạng sự phát triển này qua việc đối sánh với những quan điểm của các nhà khoa học thư viện cho thấy sự phát triển của các thư viện điện tử tại Việt Nam đang còn nhiều tồn tại cần khắc phục.

1. KHÁI QUÁT VỀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

Để xác định được sự phát triển của các thư viện điện tử tại Việt Nam, tác giả bài nghiên cứu này sử dụng kết quả khảo sát trong một nghiên cứu được tiến hành tại Khoa Thư viện Thông tin - Trường Đại học Văn hoá Hà Nội [5]. Qui mô khảo sát được tiến hành tại gần 80 TV&TTTT lớn tại Việt Nam, bao gồm các thư viện đại học, chuyên ngành, đa ngành và công cộng tại cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Các phương diện khảo sát tập trung vào thực trạng hiện đại hoá các hoạt động trong thư viện. Kết quả khảo sát cho thấy, các thư viện lớn tại Việt Nam đã và đang tập trung các nguồn lực nhằm hiện đại hoá các hoạt động, phát triển mô hình thư viện điện tử. Thực tế này thể hiện trên một số phương diện sau:

¹ Trưởng Khoa Thư viện - Thông tin Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

+ Hạ tầng công nghệ thông tin trong thư viện

Để thực hiện mục tiêu tin học hoá, tự động hoá, các thư viện Việt Nam đã đầu tư phát triển hạ tầng CNTT hiện đại bao gồm phần cứng (máy tính, trang thiết bị), phần mềm và hệ thống mạng.

Kết quả khảo sát cho thấy 83% thư viện có đã hệ thống máy chủ riêng để cài đặt phần mềm phục vụ các hoạt động chuyên môn. Nhiều thư viện, trung tâm học liệu đầu tư hàng chục máy chủ. 100% số thư viện được khảo sát đã có hệ thống máy trạm dành cho cán bộ thư viện và bạn đọc khai thác thông tin. Những thư viện có hàng trăm máy trạm tập trung tại các trung tâm học liệu, các thư viện của các trường đại học lớn.

Bên cạnh sự đầu tư, trang bị về hệ thống máy tính, kết quả khảo sát thực tế cho thấy các thư viện Việt Nam đã áp dụng nhiều phần mềm khác nhau vào quản lý các hoạt động. Số liệu khảo sát cho thấy có 78% số thư viện đã áp dụng các hệ thống thư viện tích hợp - ILS (Intergrated Library System). Đây là các hệ phần mềm có khả năng thực hiện toàn diện các chức năng quản lý của thư viện theo hướng tự động hóa. Có 36% số thư viện được khảo sát đã áp dụng phần mềm thư viện số vào quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu toàn văn, các bộ sưu tập tài liệu số. Kết quả này cho thấy xu hướng xây dựng phát triển thư viện số đang được quan tâm đầu tư tại các thư viện lớn ở Việt Nam hiện nay. Tìm kiếm tập trung là giải pháp của các phần mềm mới trong lĩnh vực thông tin thư viện, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay tại Việt Nam đã có 7% số thư viện được khảo sát lựa chọn và áp dụng.

Không chỉ đầu tư cho CNTT, để hiện đại hóa nhiều công nghệ, thiết bị tiên tiến khác cũng đã được các thư viện lớn tại Việt Nam triển khai áp dụng. Kết quả khảo sát cho thấy có 56% thư viện đã áp dụng công nghệ từ tính (sử dụng dòng điện từ trường) vào quản lý các tài liệu trong thư viện. Có 72% số thư viện được khảo sát đã ứng dụng công nghệ mã vạch (Barcode) vào quản lý tài liệu, bạn đọc. Những công nghệ mới tiên tiến trên thế giới như công nghệ nhận dạng bằng sóng vô tuyến - RFID (Radio Frequency Identification) cũng đã được gần 10% số thư viện áp dụng.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy 100% thư viện đã kết nối mạng Internet, 62% đã thiết lập hệ thống mạng nội bộ Intranet.

+ Nguồn lực thông tin

Quá trình phát triển các thư viện điện tử tại Việt Nam còn thể hiện trong sự thay đổi cơ cấu nguồn lực thông tin của các thư viện, bên cạnh các tài liệu truyền thống là sự gia tăng mạnh mẽ các tài liệu điện tử. Các cơ sở dữ liệu sách điện tử, tạp chí điện tử trực tuyến được cung cấp bởi các tập đoàn, nhà xuất bản lớn trên thế giới như: EBSCO, Blackwells, Science Direct, Springer ... đã được bổ sung vào nguồn lực thông

tin của các thư viện lớn tại Việt Nam. Thực tế này đã làm thay đổi cơ cấu nguồn lực thông tin trong các thư viện. Kết quả khảo sát cho thấy cơ cấu nguồn lực thông tin trong các thư viện lớn tại Việt Nam đang có sự thay đổi mạnh mẽ. Tỷ lệ các tài liệu điện tử ngày càng gia tăng so với tài liệu truyền thống. Trong một số thư viện đại học, tỷ lệ tài liệu điện tử và truyền thống gần tương đương nhau. Ví dụ Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Trung tâm Học liệu Thái Nguyên.

+ Hoạt động xử lý và tổ chức thông tin

Trên thế giới, khi những phần mềm đầu tiên được tạo ra và áp dụng trong lĩnh vực thư viện từ những năm 50 của thế kỷ trước đã đánh dấu sự thay đổi rất lớn trong hoạt động xử lý và tổ chức thông tin. Tại Việt Nam, từ những năm 1990 đến nay nhiều hệ phần mềm đã được các thư viện lựa chọn áp dụng. Thực tiễn này đã tạo ra nhiều sự thay đổi trong hoạt động xử lý và tổ chức thông tin. Máy tính điện tử, phần mềm ứng dụng đã làm thay đổi phương thức, qui trình xử lý và tổ chức thông tin. Kết quả khảo sát cho thấy trên 92% các thư viện được khảo sát đã áp dụng CNTT vào hoạt động xử lý và tổ chức thông tin. Hoạt động xử lý và tổ chức thông tin đã từng bước thay đổi theo hướng: chuẩn hoá, tự động hoá và liên kết - chia sẻ.

+ Hoạt động dịch vụ thông tin

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động cung cấp dịch vụ tại các thư viện lớn ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi. Bên cạnh các dịch vụ truyền thống, nhiều thư viện đã triển khai các dịch vụ mới với khả năng tương tác qua môi trường mạng. Có 71% số thư viện được khảo sát đã triển khai việc tra cứu tài liệu thông qua môi trường mạng; 43% số thư viện được khảo sát đã cung cấp cho người dùng tin dịch vụ khai thác thông tin toàn văn qua môi trường mạng. Tại một số thư viện, dịch vụ tư vấn cho người dùng tin, đào tạo người dùng tin đã được thực hiện trực tuyến.

2. NHỮNG TỐN TẠI TRONG SỰ PHÁT TRIỂN THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM

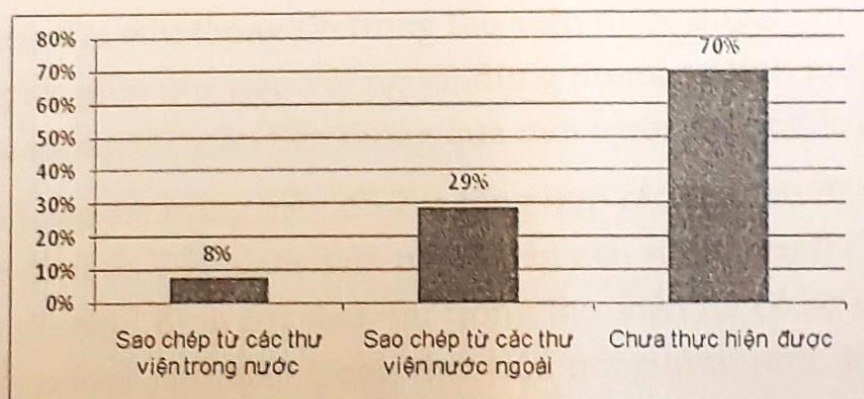
Khái quát về sự phát triển của các thư viện tại Việt Nam cho thấy các thư viện lớn tại Việt Nam đã và đang có sự thay đổi mạnh mẽ. Mô hình xây dựng thư viện điện tử đã được triển khai tại nhiều nơi và đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Diện mạo các thư viện đã có sự thay đổi rõ rệt, tuy nhiên phân tích chi tiết thực trạng phát triển thư viện điện tử tại Việt Nam cũng cho thấy còn khá nhiều tồn tại, trong đó tập trung vào những vấn đề sau:

+ Sự thiếu phối hợp, liên kết, chia sẻ thông tin giữa các thư viện

Trên thực tế đã có nhiều nhà khoa học về lĩnh vực thông tin thư viện đề cập đến đặc điểm phối hợp, liên kết, chia sẻ thông tin của thư viện điện tử. Theo D. Jotwani [3], Helene Blowers and Nancy Davenport [1], thư viện điện tử không hoạt động

độc lập mà có khả năng liên kết thông qua môi trường mạng tạo thành các hệ thống ở những qui mô khác nhau nhằm phát huy sức mạnh tổng thể đáp ứng những yêu cầu thay đổi về công nghệ cũng như nhu cầu của người sử dụng. Đây vừa là đặc điểm, vừa là ưu điểm của thư viện điện tử. Bởi sự phối hợp, liên kết, chia sẻ thông tin này mang đến cho thư viện nhiều lợi ích như tăng khả năng đáp ứng về nguồn lực thông tin thông qua việc chia sẻ các tài nguyên thông tin, tăng khả năng xử lý, tổ chức thông tin thông qua việc chia sẻ các siêu dữ liệu.

Kết quả khảo sát thực tế tại các thư viện điện tử ở Việt Nam cho thấy các thư viện đã có sự phối hợp, liên kết, chia sẻ trong việc bổ sung tài liệu, đặc biệt là tài liệu điện tử. Một liên hợp các nguồn tin điện tử đã được thiết lập với hàng chục thư viện tham gia là thành viên. Một số mô hình liên kết hợp tác khác giữa các thư viện đại học về lĩnh vực khoa học kỹ thuật cũng đã được triển khai nhưng do nhiều lý do những kết quả thu được còn khá hạn chế. Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy 78% thư viện đã áp dụng các hệ thống thư viện tích hợp - ILS (Intergrated Library System) vào quản lý các hoạt động chuyên môn. Với hệ thống này các thư viện có thể sử dụng các giao thức mở liên kết, kết nối chia sẻ các thông tin thư mục với nhau thông qua tính năng biên mục sao chép (Copy Cataloging). Số liệu thống kê trong biểu đồ 1 là thực trạng thực hiện biên mục sao chép tại các thư viện điện tử Việt Nam. Phân tích kết quả cho thấy có gần 70% số thư viện chưa thực hiện được biên mục sao chép, có 29% đã sao chép được biểu ghi từ các thư viện nước ngoài, chỉ có 8% đã sao chép được biểu ghi từ các thư viện trong nước.



Biểu đồ 1: Tỷ lệ thư viện tiến hành biên mục sao chép

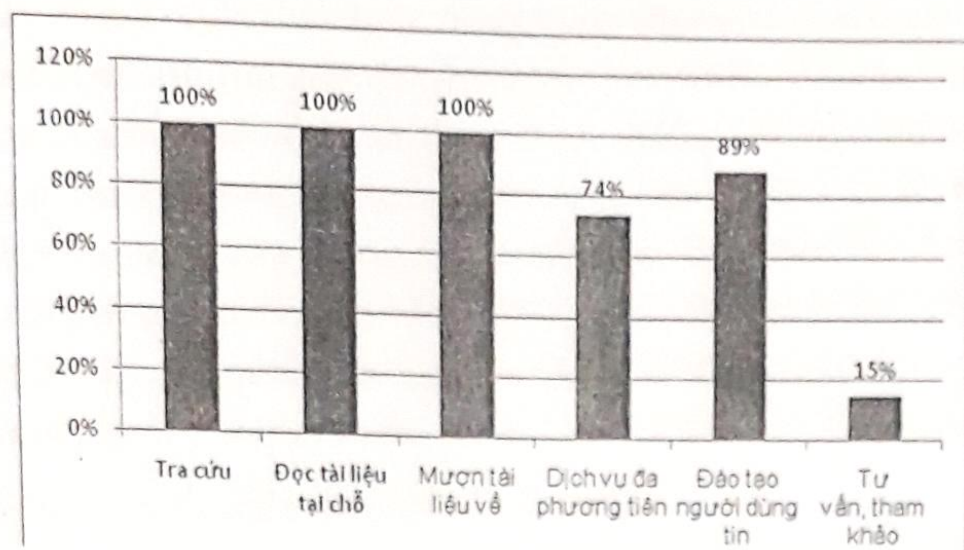
Kết quả này cho thấy sự phối hợp, liên kết chia sẻ thông tin thư mục giữa các thư viện điện tử tại Việt Nam đang ở mức rất thấp. Đây là một kết quả không bình thường, bởi tại các nước có sự nghiệp thư viện phát triển, việc chia sẻ biểu ghi thư mục giữa các thư viện trong nước là khá dễ dàng. Tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới việc chia sẻ thông tin giữa các thư viện Việt Nam còn thấp, tác giả nhận thấy lý do không phải chỉ là vấn đề công nghệ mà còn tập trung ở cơ chế, chính sách chưa hợp lý. Nghiên cứu thực tế cho thấy, phần lớn các thư viện hiện đại Việt Nam có đủ điều

kiện để kết nối và chia sẻ thông tin thư mục với nhau. Tuy nhiên, hiện chưa có cơ chế, chính sách cụ thể nào yêu cầu các thư viện Việt Nam phải kết nối và chia sẻ nên dẫn đến một thực tiễn là các thư viện hiện đại Việt Nam vẫn phát triển như những ốc đảo độc lập. Đây là một hạn chế rất lớn, bởi các thư viện thuộc các quốc gia lớn trên thế giới luôn sẵn sàng cho việc trao đổi thông tin đặc biệt là các thông tin thư mục. Với chính sách mở trong việc cung cấp thông tin, các thư viện lớn trên thế giới như Thư viện Quốc hội Mỹ, Thư viện quốc gia của các nước phát triển luôn sẵn sàng cho phép bất cứ thư viện nào trên thế giới có thể kết nối đến hệ thống của họ để khai thác các thông tin thư mục.

+ *Dịch vụ của các thư viện điện tử còn nhiều hạn chế*

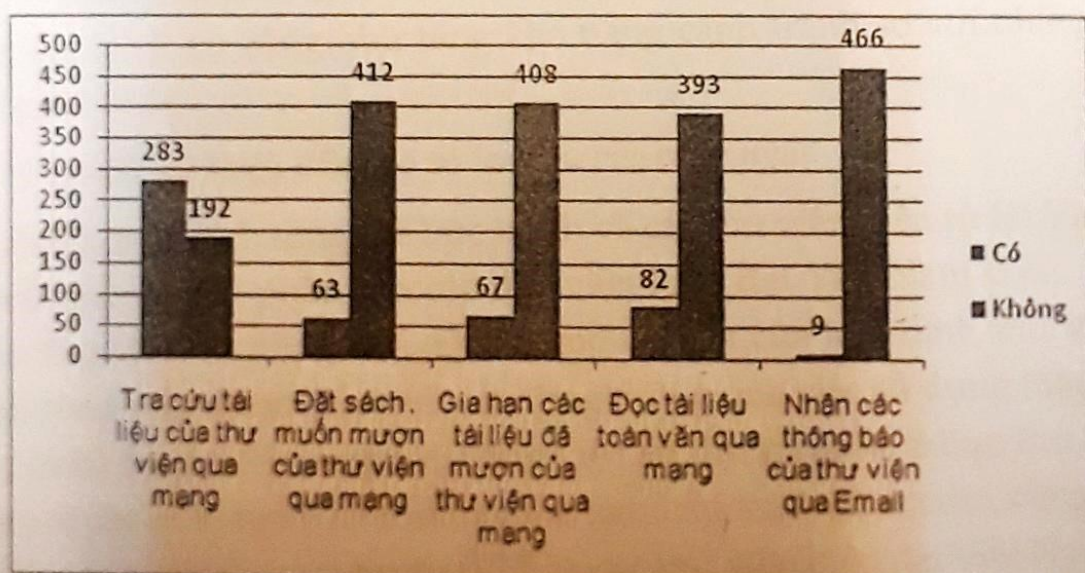
Có nhiều thay đổi trong dịch vụ của thư viện điện tử, theo Helene Blowers và Nancy Davenport [1]: “Dịch vụ thư viện ngày nay cần thúc đẩy tạo ra tri thức chứ không chỉ là sử dụng kiến thức. Không giống như các dịch vụ thư viện của quá khứ tập trung vào phân phối sách và tài liệu nghiên cứu theo cách cung cấp thông tin một chiều. Thư viện ngày nay tạo ra một không gian, nơi mà bạn đọc có thể tham gia nhiều hơn vào quá trình thông tin như bàn luận, trao đổi và phát triển những ý tưởng mới”. Theo Chandrakanta Swain [2] KH&CN đã tạo nên sự thay đổi trong dịch vụ thư viện, nâng cao chất lượng các dịch vụ và sự xuất hiện của các dịch vụ mới có ứng dụng công nghệ. Những ứng dụng của CNTT trong thư viện ngày nay đã làm thay đổi căn bản cách thức chuyển giao thông tin tới người dùng. Người dùng tin có thể sử dụng các dịch vụ của thư viện một cách gián tiếp không bị phụ thuộc vào không gian, thời gian. Tra cứu thông tin trong thư viện được thực hiện bằng máy tính điện tử. Sự tương tác giữa thư viện với người dùng tin mang tính mở, linh hoạt trong đó hướng tới sự tương tác gián tiếp thông qua môi trường mạng là chủ yếu.

Kết quả khảo sát trong biểu đồ 2 là tổng hợp các dịch vụ đã được tổ chức trong các thư viện điện tử Việt Nam hiện nay. Phân tích số liệu cụ thể có thể nhận thấy ở những mức độ nhất định các dịch vụ trong thư viện đã có sự đa dạng. Tuy nhiên những dịch vụ khá phổ biến trong thư viện nói chung như: tra cứu, đọc tại chỗ, mượn về vẫn giữ vai trò chính. Những dịch vụ đặc trưng của thư viện điện tử, đặc biệt là những dịch vụ đòi hỏi khả năng phân tích biến đổi, đánh giá thông tin của người cung cấp như dịch vụ tư vấn, tham khảo chưa được nhiều thư viện triển khai, chỉ có 15% thư viện được khảo sát đã tổ chức dịch vụ này. Với đa số các dịch vụ đang được triển khai trong các thư viện Việt Nam hiện nay mới chỉ tạo ra sự tương tác với người dùng tin và mang tính một chiều. Người dùng tin đơn thuần là người sử dụng thông tin.



Biểu đồ 2: Tỷ lệ các dịch vụ đã triển khai

Số liệu khảo sát thực tế cho thấy hiện có gần 80% số TV&TTTT được khảo sát đã áp dụng hệ thống thư viện tích hợp (ILS) vào quản lý các hoạt động thư viện. Điều này đồng nghĩa với việc, tại các thư viện đã áp dụng hệ thống này bạn đọc có thể thực hiện nhiều hoạt động tương tác với thư viện thông qua môi trường mạng như: tra cứu, đặt sách, gia hạn các tài liệu mượn, nhận các thông báo tự động qua email... Tuy nhiên kết quả khảo sát được tổng hợp trong biểu đồ 3 lại cho thấy những hoạt động bạn đọc được tương tác qua môi trường mạng thông qua các dịch vụ của thư viện đang chiếm tỷ lệ rất thấp. Chỉ có 9/475 chiếm 2% số bạn đọc được khảo sát cho biết họ đã từng nhận được các thông báo tự động của thư viện thông qua email; chỉ có 67/475 chiếm 14% số bạn đọc được khảo sát cho biết họ có thể gia hạn các tài liệu đã mượn của thư viện thông qua mạng; chỉ có 63/475 chiếm 13% số bạn đọc được khảo sát cho biết họ có thể đặt các tài liệu muốn mượn của thư viện thông qua mạng; chỉ có 82/475 chiếm 17% số bạn đọc được khảo sát cho biết họ có thể đọc các tài liệu toàn văn của thư viện thông qua mạng.



Biểu đồ 3: Tỷ lệ bạn đọc được sử dụng các dịch vụ tương tác qua mạng

Như vậy có thể nhận thấy hoạt động cung cấp dịch vụ trong các thư viện điện tử Việt Nam bên cạnh những mặt đạt được vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế. Những dịch vụ đặc trưng của thư viện điện tử chưa được nhiều thư viện triển khai. Phần lớn các dịch vụ trong thư viện mới tập trung vào cung cấp tài liệu. Tỷ lệ các thư viện đã triển khai các dịch vụ cung cấp thông tin có sự phân tích biến đổi đang chiếm tỷ lệ khá thấp. Một số dịch vụ đã được tự động hóa, tuy nhiên phân tích chi tiết các tính năng cụ thể lại cho thấy còn nhiều tồn tại. Các hoạt động của bạn đọc có thể tương tác qua môi trường mạng là thế mạnh của dịch vụ thư viện điện tử chưa được phát huy.

+ Xu hướng phát triển thư viện số còn chậm

Từ những năm 90 của thế kỷ trước, những ứng dụng của CNTT đã tạo tiền đề cho sự ra đời của nhiều dạng tài liệu mới, đặc biệt là tài liệu số. Bên cạnh việc tiếp tục tăng cường tự động hóa, xu hướng xây dựng thư viện số phát triển mạnh trên thế giới. Nhiều dự án xây dựng thư viện số với qui mô lớn đã được các quốc gia phát triển và trong khu vực thực hiện từ thập niên cuối của thế kỷ trước.

Tại Việt Nam, những thư viện số đầu tiên được thiết lập vào những năm 2004 - 2006 tại Đại học Khoa học tự nhiên TP. Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội và một số trường đại học khác, từ những năm 2010 xu hướng số hoá tài liệu được đẩy mạnh tại các thư viện Việt Nam. Tuy nhiên trải qua hàng chục năm, việc xây dựng thư viện số, thiết lập các hệ thống thông tin số còn khá chậm. Kết quả khảo sát cho thấy 100% các thư viện được khảo sát đã có tài liệu số trong cơ cấu nguồn lực thông tin, tuy nhiên chỉ có 36% đã có hệ thống quản lý và tạo lập được cơ sở liệu toàn văn, đây là một tỷ lệ khá thấp. Hạn chế này cần khắc phục bởi trong bối cảnh hiện nay, xây dựng thư viện số là giải tối ưu và là xu hướng phát triển tất yếu đối với các thư viện tại Việt Nam. Những ưu điểm của thư viện số trong việc cung cấp thông tin, tài liệu không bị phụ thuộc vào không gian, thời gian sẽ giúp các thư viện cải thiện được các dịch vụ cũng như tăng khả năng cạnh tranh so với nhiều kênh cung cấp thông tin khác.

+ Sự đầu tư thiếu đồng bộ và lạc hậu của công nghệ

Nhìn một cách tổng thể bức tranh về các thư viện điện tử tại Việt Nam hiện nay có thể nhận định: phần lớn các thư viện hiện đại Việt Nam đang phát triển ở giai đoạn thư viện tự động hoá. Đặc trưng cơ bản của loại hình thư viện này là nhiều khâu công việc được tiến hành tự động thông qua việc sử dụng máy móc (chủ yếu là máy tính) thay thế con người. Bằng việc áp dụng các hệ thống thư viện tích hợp kết hợp với các công nghệ khác như công nghệ mã vạch (Barcode), công nghệ nhận dạng đối tượng bằng sóng vô tuyến (RFID), các thư viện hiện đại Việt Nam đã tự động hoá được nhiều khâu công việc như bổ sung, biên mục, lưu thông... Tuy nhiên khi xem

xét vào từng hệ thống cụ thể đã triển khai tại một số thư viện còn khá nhiều tồn tại. Sự đầu tư thiếu đồng bộ (không tương thích) giữa công nghệ được lựa chọn và phần mềm quản trị tại một số thư viện đã gây ra lãng phí lớn về ngân sách.

Một số thư viện đã đầu tư hàng trăm ngàn thẻ (Tag) RFID và nhiều thiết bị đắt tiền khác liên quan đến công nghệ này nhưng không khai thác được các ứng dụng, bởi phần mềm thư viện đó đang sử dụng không tích hợp được với công nghệ này. Một số đành bỏ không hoặc chỉ khai thác được một số tính năng của công nghệ này hay khai thác mang tính tượng trưng, thí nghiệm. Một số thư viện đưa ra giải pháp thay thế phần mềm khác... Dù với giải pháp nào thì sự lãng phí về ngân sách ở đây là rất lớn. Vấn đề tồn tại ở đây là bài toán quy hoạch đầu tư xây dựng cho nhiều thư viện chưa được thiết kế một cách tổng thể và thiếu sự đồng bộ, có trường hợp còn mang tính cục bộ, gián đoạn, không có tính kế thừa.

Tại một số thư viện, sự đầu tư thiếu đồng bộ dẫn đến toàn bộ hệ thống không thể vận hành được, ví dụ: chỉ đầu tư công từ, thiết bị nạp khử từ mà không đầu tư mua chỉ từ, hay sử dụng các thẻ (Tag) RFID quản lý hàng hoá trong siêu thị để trang bị cho các tài liệu thư viện. Kết quả là hệ thống thư viện tự động hoá không thể vận hành được.

Công nghệ và trang thiết bị được đầu tư tại phần lớn các thư viện điện tử Việt Nam không có tính hiện đại. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy những công nghệ, trang thiết bị được phần lớn các thư viện Việt Nam lựa chọn áp dụng là công nghệ mã vạch và công nghệ từ tính, đây là những công nghệ không mới. Trên thế giới những công nghệ này đã được áp dụng vào hoạt động thư viện từ những năm 70, 80 của thế kỷ trước. Từ những năm 2000, tại các quốc gia có nền khoa học thư viện phát triển đã chuyển đổi từ các công nghệ này sang sử dụng công nghệ nhận dạng đối tượng bằng sóng vô tuyến - RFID. Trên thực tế một số thư viện Việt Nam đã tiếp cận và sử dụng công nghệ này nhưng số lượng còn hạn chế. Thực tế này cho thấy các thư viện điện tử Việt Nam chưa tận dụng tốt cơ hội để rút ngắn khoảng cách so với các nước phát triển thông qua giải pháp tiếp cận với những công nghệ mới.

KẾT LUẬN

Hoạt động thông tin thư viện tại Việt Nam trong những thập niên gần đây có những bước phát triển mạnh mẽ. Các thư viện đã có sự đầu tư hiện đại hoá, tự động hoá các khâu công việc của mình, chất lượng dịch vụ thông tin thư viện đã được nâng lên. Mô hình thư viện điện tử đã được xác định và đang phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đạt được, quá trình hoạt động, phát triển thư viện điện tử tại Việt Nam còn bộc lộ nhiều hạn chế. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới những hạn chế này, việc khắc phục những điểm hạn chế sẽ giúp cho các thư viện điện tử tại Việt Nam phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Blowers, Helene and Nancy, Davenport (2012), *What defines a modern library?*, truy cập ngày 15.8-2017, tại trang web <http://irexgl.wordpress.com/2012/08/28/what-defines-a-modern-library-exciting-conversations-emerging-from-the-international-young-librarians-academy-in-ventspils-latvia/>.
2. Chandrakanta, Swain (2012), *New Approach to Library Management*, SSDN Publishers & Distributors, New Delhi.
3. otwani, D. (2008), *Best Practices in a Modern Library and Information Center*, truy cập ngày 15.8-2013, tại trang web <http://ir.inflibnet.ac.in/handle/1944/1223>.
4. Lancaster and Wilfrid (2007), *Technology and management in Library and Information servies*, Library Association Publishing, London.
5. Nguyễn Văn Thiên (2017), *Quản lý thư viện hiện đại tại Việt Nam*, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, Hà Nội.